

Số: TVHV-10/THOA

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 4 năm 2026

## **BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA TỈNH THANH HÓA**

### **1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi):  
Mức nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều) dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mức nước trung bình tuần tại các trạm phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ, riêng hạ lưu các sông như tại TV Lý Nhân trên sông Mã, tại TV Xuân khánh trên sông Chu, tại TV Lang Chánh trên sông Âm, tại TV Kim Tân trên sông Bưởi thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

#### **Tình hình hồ chứa:**

Mức nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/01/4 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 155.32m, thấp hơn so với MNDBT là 4.68m, đạt 83.8% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 101.01m, thấp hơn MNDBT là 8.99m, đạt 76.2% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hòa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 230.06m, thấp hơn so với MNDBT là 9.94m, đạt 66.7% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 31.42m, thấp hơn MNDBT là 1.58m, đạt 81.7% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 17.30m, thấp hơn MNDBT là 3.06m, đạt 77.5% so với dung tích được tích.

### **2. Dự báo, cảnh báo:**

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi):  
Mức nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mức nước lớn nhất tuần có khả năng xuất hiện vào thời kỳ đầu tuần, mức nước nhỏ nhất tuần có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tuần, mức nước trung bình tuần tại các trạm phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ, riêng hạ lưu sông Mã, sông Chu, sông Bưởi, sông Âm ở mức thấp hơn.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mực nước lớn nhất tuần ở mức thấp hơn so với tuần trước và có khả năng xuất hiện vào cuối tuần; mực nước nhỏ nhất tuần ở mức cao hơn so với tuần trước và có khả năng xuất hiện vào cuối tuần; mực nước trung bình tuần ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng có khả năng xảy ra xâm nhập mặn ở vùng cửa sông ven biển.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Xâm nhập mặn có khả năng gây ra thiếu nước cục bộ cho sinh hoạt, tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp tại một số thời điểm do xâm mặn lấn sâu vào vùng Cửa sông ven biển.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 11/4/2026**

**Tin phát lúc: 15h55 ngày 01/4/2026.**

**Dự báo viên: Nguyễn Danh Lam**

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN MINH

**Phụ lục 1**  
**Bảng 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm.**

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
					5 ngày đầu			6 ngày cuối			Đặc trưng 11 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16397	16417	16378	16395	16420	16375	16390	16418	16370	16393	16420	16370
-	Hồi Xuân	5390	5419	5345	5385	5415	5340	5380	5415	5335	5383	5415	5335
-	Cầm Thủy	1180	1265	1130	1175	1260	1125	1170	1265	1120	1173	1265	1120
-	Lý Nhân	165	228	119	160	225	115	155	227	110	158	227	110
-	Giàng	45	167	-100	50	140	-70	37	165	-80	44	165	-80
-	Quảng châu	19	161	-132	21	130	-100	14	155	-110	18	155	-110
Lèn	Lèn	85	214	-50	91	185	-20	75	210	-30	83	210	-30
-	Cụ Thôn	74	218	-57	75	170	-35	68	200	-45	72	200	-45
Âm	Làng Chánh	4681	4694	4679	4681	4694	4679	4680	4695	4678	4681	4695	4678
Chu	Cửa Đạt	2714	2752	2659	2710	2765	2635	2705	2750	2650	2708	2765	2635
-	Bái Thượng	1063	1125	1014	1060	1135	1010	1055	1125	1010	1058	1135	1010
-	Xuân Khánh	101	158	62	95	160	62	90	155	60	93	160	60
Bưởi	Thạch Quảng	647	657	641	645	655	640	643	655	635	644	655	635
-	Kim Tân	196	219	182	190	215	180	185	515	175	188	515	175
Yên	Chuối	37	103	-38	45	80	-20	30	95	-30	38	95	-30
-	Ngọc Trà	21	123	-104	26	105	-85	15	120	-95	21	120	-95

**Ghi chú:** TBNN: Trung bình nhiều năm; MNDBT: Mực nước dâng bình thường;  
DTTK: Dung tích thiết kế.

**Phụ lục 2**  
**Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm.**



